

# LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 199

## LUẬN VỀ KIẾN (Phần 2)

Có những kiến chấp như vậy: Tất cả sĩ phu, Bồ-đặc-già-la có những sự cảm thọ, tất cả đều lấy sự biến hóa tự tại làm nhân. Đây là Giới cấm thủ, không phải là Nhân mà chấp làm Nhân, do kiến Khổ mà đoạn.

Đây là Giới cấm thủ, không phải là Nhân mà chấp làm Nhân, là hiển bày về tự tánh của nó; do kiến Khổ mà đoạn, là hiển bày về đối trị của nó, nói rộng ra như trước.

Đẳng khởi của kiến chấp ấy như thế nào? Đó là có ngoại đạo, hoặc vì sự suy xét không đúng đắn, hoặc vì đạt được Định, hoặc vì bận ác mà khởi lên kiến chấp này, như trước nên biết.

Nhưng các pháp sinh khởi không phải là nhờ vào tự tại mà dần dần sinh khởi. Nghĩa là các thế gian, nếu nhờ vào biến hóa tự tại mà sinh khởi, thì lẽ ra tất cả cùng lúc mà sinh khởi, bởi vì nhân ấy đều có, không có gì có thể chướng ngại làm cho không sinh khởi? Nếu cho rằng tự tại lại còn chờ đợi nhân khác mới có thể sinh khởi, thì không phải là tự tại, bởi vì giống như nhân khác? Nếu cho rằng các pháp đều từ ý thích tự tại mà sinh khởi, cho nên không lập tức khởi lên, thì ý thích tự tại vì sao không lập tức sinh khởi, bởi vì ý thích sinh khởi tự tại ấy luôn luôn có, không có gì có thể ngăn cản? Nếu cho rằng tự tại lại còn chờ đợi nhân khác mới sinh khởi, thì ý thích không phải là tự tại? Lại là vô cùng tận, bởi vì nhân ấy còn chờ đợi nhân khác sinh khởi. Vả lại, nếu các pháp sinh khởi tự tại, thì nhân không có gì khác biệt, cho nên pháp sẽ không có gì khác biệt. Nếu cho rằng tự tại sinh khởi một pháp ban đầu, về sau từ pháp ấy chuyển đổi lại sinh khởi nhiều pháp khác, thì pháp ấy làm sao có thể sinh khởi nhiều pháp cũng như tự tại, bởi vì Thế là một? Lại nữa, pháp đã sinh cũng sẽ là thường còn, bởi vì quả tựa như

nhân? Lại nữa, Thể của tự tại lẽ ra không có thể sinh khởi, bởi vì Thể ấy là thường còn giống như hư không?

Có những kiến chấp như vậy: Tất cả sĩ phu, Bồ-đặc-già-la đã cảm thọ đều là không có nhân, không có duyên. Đây là Tà kiến bài bác về Nhân, do kiến Tập mà đoạn.

Đây là Tà kiến bài bác về Nhân, là hiển bày về tự tánh của nó; do kiến Tập mà đoạn, là hiển bày về đối trị của nó, nói rộng ra như trước.

Đẳng khởi của kiến chấp ấy như thế nào? Đó là có ngoại đạo, thấy các hình tướng nhân quả của thế gian không phải là nhất định tương tự, có những người tìm cầu hoặc là không được kết quả vừa ý, liền gạt bỏ mọi sự cảm thọ là không có nhân-không có duyên. Nhưng mọi sự cảm thọ không phải là không có nhân duyên, bởi vì hiện thấy các pháp do nhân duyên sinh khởi, chứ không phải là tất cả các pháp cùng lúc sinh khởi. Nếu không có nhân duyên thì lẽ ra đều cùng lúc sinh khởi, lẽ ra tất cả các pháp không có gì sai biệt. Nếu không có nhân duyên thì do đâu mà sai biệt? Vì vậy, mọi sự cảm thọ không phải là không có nhân duyên.

Có những kiến chấp như vậy: Tự mình làm khổ-vui, người khác làm khổ-vui, tự mình và người khác làm khổ-vui. Đây là Giới cấm thủ, không phải là Nhân mà chấp làm Nhân, do kiến Khổ mà đoạn.

Có những kiến chấp như vậy: Khổ-vui đã cảm thọ không phải là tự mình làm ra, không phải là người khác làm ra, không có nhân mà sinh. Đây là Tà kiến bài bác về Nhân, do kiến Tập mà đoạn.

Đây là Giới cấm thủ, không phải là Nhân mà chấp làm Nhân, và Tà kiến bài bác về Nhân, là hiển bày về tự tánh của nó; do kiến Khổ mà đoạn và do kiến Tập mà đoạn, là hiển bày về đối trị của nó, nói rộng ra như trước.

Đẳng khởi của kiến chấp ấy như thế nào? Đó là nhân duyên của Vô y Ca-diếp-ba là Đẳng khởi của kiến chấp này. Vô y Ca-diếp-ba kia lúc xưa còn là tại gia, đã từng làm chủ buôn, nhiều lần đi vào biển thu thập vật báu. Lần đầu tiên đi vào biển thì gặp phải các nạn của biển, gian khổ lắm mới được thoát nạn, liền dấy lên nghĩ rằng: Nạn khổ này là tự mình gây ra, bởi vì lúc đi vào biển không tắm gội sạch sẽ. Lúc đi vào biển lần thứ hai thì người ấy liền tự mình tắm gội sạch sẽ, đã đi vào biển rồi gặp phải nạn như trước, gian khổ lắm mới được trở về, lại dấy lên nghĩ rằng: Nạn khổ này là do người khác gây ra, bởi vì lúc đi vào biển không cúng tế Thiên thần. Lúc đi vào biển lần thứ ba thì người ấy tự mình tắm gội sạch sẽ, và cũng cúng tế Thiên thần, đã đến giữa biển

gặp phải nạn như trước, gian khổ lắm mới được thoát nạn, liền dấy lên nghĩ rằng: Gian khổ như vậy là tự mình và người khác gây ra, bởi vì lúc đi vào biển tuy tắm gội-cúng tế Thiên thần mà không thiết tha sâu nặng. Lần cuối cùng thì người ấy vô cùng thiết tha sâu nặng, tắm gội và cúng tế Thiên thần, sau đó mới đi vào biển, vào biển rồi gặp phải nạn cũng lại như trước, chỉ mong được trở về, lại dấy lên nghĩ rằng: Lần này đã gặp phải khốn đốn không do mình và người khác, chỉ là không có nhân mà mắc phải. Người ấy bởi vì điều này cho nên đã nhìn thấy đời sống tại gia thâm nhiễm những sai lầm, liền đến xuất gia trong giáo pháp của ngoại đạo Vô Y, sau đó ở tại thành Vương Xá được gặp Đức Phật bèn hỏi về khổ do ai gây ra? Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn dùng bốn pháp ghi nhớ luận bàn (tứ ký luận pháp) mà điều phục người ấy, nói rộng như trong kinh Vô Y Ca-diếp-ba. Cho nên nhân duyên ấy là Đẳng khởi của kiến chấp này.

Từ trước đến đây đã nói về các Giới cấm thủ đều do kiến Khổ mà đoạn, là dựa vào Ngã mà khởi lên điên đảo về Thường, bởi vì chuyển ở nơi quả, cho nên tuy không phải là Nhân mà chấp là Nhân, nhưng do kiến Khổ mà đoạn. Nghĩa là Giới cấm thủ tổng quát có hai loại:

1. Không phải là Nhân mà chấp là Nhân.
2. Không phải là Đạo mà chấp là Đạo.

Không phải là Nhân mà chấp là Nhân, lại có hai loại:

1. Do mê lầm chấp Ngã mà khởi lên chấp pháp là Thường.
2. Do mê lầm việc làm đời trước mà khởi lên các loại khổ hạnh.

Loại trước là dựa vào Ngã mà khởi lên điên đảo về Thường, bởi vì chuyển ở nơi quả, cho nên tùy theo hai kiến chấp điên đảo do kiến Khổ mà đoạn; loại sau chỉ chuyển ở nơi quả, bởi vì tướng của quả hiện bày thô thiển có thể dễ dàng nhìn thấy, cho nên chấp Nhân làm Nhân không phải là hoàn toàn tà vạy, đã mê lầm về tướng của quả cho nên cũng do kiến Khổ mà đoạn.

Không phải là Đạo mà chấp là Đạo, cũng có hai loại:

1. Chấp các giới hữu lậu đều là Đạo, đây là mê lầm về tướng của quả hiện bày thô thiển mà khởi lên, cho nên lúc thấy rõ Khổ đế thì có thể vĩnh viễn đoạn trừ.

2. Chấp các loại Tà kiến bài bác về Đạo đều là Đạo, đây là chính mình trái ngược với Đạo mà chấp trước mê lầm, không phân biệt đối với tướng của nhân quả, cho nên lúc thấy rõ Đạo đế mới có thể đoạn trừ.

Lúc bài bác về Tập-Diệt, đã gạt bỏ tướng của pháp đã đoạn-đã

chứng, nếu chấp là Đạo thì trở thành vô dụng, cho nên nhất định dựa vào pháp đã đoạn và pháp đã chứng mà lập làm Đạo.

Vả lại, do họ gạt bỏ cùng với Đạo khác nhau, nhất định không có Đạo không gián đoạn mà chấp vào đó làm Đạo. Nếu như về sau chấp vào đó làm Đạo, nhất định ở nơi quả mà khởi lên chấp về Đạo, cho nên lúc thấy rõ Khổ đế, thì kiến chấp này liền đoạn trừ. Không có Giới cấm thủ do kiến Tập-Diệt mà đoạn, bởi vì Kiến thủ đã chấp không có gì đối đãi nhưng chấp làm hơn hẳn, các Tà kiến sau đều có thể hiện rõ trước mắt, cho nên bao gồm bốn Bộ.

Trong này, các Giới cấm thủ đã nói chỉ riêng không phải là Nhân mà chấp là Nhân, cho nên do kiến Khổ mà đoạn.

Có những kiến chấp như vậy: Ngã và thế gian là pháp thường hằng, tồn tại vững chắc, không có biến dịch, đang an trú như vậy. Đây là Biên chấp kiến, thuộc về Thường kiến, do kiến Khổ mà đoạn.

Đây là Biên chấp kiến, thuộc về Thường kiến, là hiển bày về tự tánh của nó; do kiến Khổ mà đoạn, là hiển bày về đối trị của nó, nói rộng ra như trước.

Đẳng khởi của kiến chấp ấy như thế nào? Đó là có ngoại đạo, hoặc vì sự suy xét không đúng đắn, hoặc vì đạt được Định, hoặc vì bạn ác mà khởi lên kiến chấp này, như trước nên biết.

Nhưng Ngã và thế gian mà họ đã chấp đều không phải là thường tồn tại, bởi vì thật sự thì Ngã và Ngã sở không có thể đạt được. Hiện thấy tất cả hữu tình thế gian và mọi vật trên thế gian, bởi vì có chuyển biến, do nhân duyên mà sinh, các quả báo sinh khởi, tất cả đều sẽ có hủy diệt, vì vậy không nên chấp Ngã và thế gian là pháp thường hằng, tồn tại vững chắc..., đều là hiển bày về nghĩa Thường.

Có những kiến chấp như vậy: Vốn là Đế, vốn là tồn tại cho nên Ngã có Ngã. Đây là Biên chấp kiến, thuộc về Thường kiến, do kiến Khổ mà đoạn.

Vốn là Đế, đó là bởi vì nghĩa chân thật. Vốn là tồn tại, đó là bởi vì pháp vốn như vậy. Ngã có Ngã, đó là Ngã luôn luôn có. Đây là Biên chấp kiến, thuộc về Thường kiến, là hiển bày về tự tánh của nó; do kiến Khổ mà đoạn, là hiển bày về đối trị của nó, nói rộng ra như trước.

Đẳng khởi của kiến chấp ấy như thế nào? Đó là có ngoại đạo, hoặc vì sự suy xét không đúng đắn, hoặc vì đạt được Định, hoặc vì bạn ác mà khởi lên kiến chấp này, như trước nên biết.

Có những kiến chấp như vậy: Vốn là Đế, vốn là tồn tại cho nên Ngã không có Ngã. Đây là Biên chấp kiến, thuộc về Đoạn kiến, do kiến

Khổ mà đoạn.

Vốn là Đế, vốn là tồn tại, giải thích như trước. Ngã không có Ngã, đó là Ngã là không có.

Hỏi: Điều này trong Chánh pháp cũng nói là không có Ngã mà không phải là ác kiến, ngoại đạo ấy cũng nói không có Ngã, tại sao lại gọi là ác kiến?

Đáp: Điều này trong Chánh pháp đối với tập hợp trống rỗng của Hành là không có Ngã, thấy trống rỗng là không có Ngã mà nói là không có Ngã, cho nên không phải là ác kiến; ngoại đạo kia ở trong tập hợp trống rỗng của Hành là không có Ngã, tùy tiện nói là có Ngã, nhưng nói Ngã ấy về sau sẽ không có, cho nên chính là ác kiến.

Đây là Biên chấp kiến, thuộc về Đoạn kiến, là hiển bày về tự tánh của nó; do kiến Khổ mà đoạn, là hiển bày về đối trị của nó, nói rộng ra như trước.

Đẳng khởi của kiến chấp ấy như thế nào? Đó là có ngoại đạo, hoặc vì sự suy xét không đúng đắn, hoặc vì đạt được Định, hoặc vì bạn ác mà khởi lên kiến chấp này, như trước nên biết.

Có những kiến chấp như vậy: Ngã quán xét Ngã, Nhãn-sắc tức là Ngã. Đây là Hữu thân kiến, do kiến Khổ mà đoạn.

Ngã quán xét Ngã, đó là bởi vì có ngoại đạo chấp rằng Ngã ở khắp nơi các pháp trong-ngoài, lúc Nhãn nhìn thấy Sắc thì nói là Ngã quán xét Ngã, Nhãn căn và Sắc đều chính là Ngã.

Có những kiến chấp như vậy: Ngã quán xét không có Ngã, Nhãn tức là Ngã, Sắc là những đồ vật của Ngã. Đây là Hữu thân kiến, do kiến Khổ mà đoạn.

Ngã quán xét không có Ngã, đó là có ngoại đạo cho rằng Nhãn là không chung, lại là pháp bên trong cho nên chấp vào đó làm Ngã, Sắc cùng với pháp này trái ngược nhau, bởi vì chỉ là những đồ vật của Ngã, cho nên lúc Nhãn nhìn thấy Sắc thì nói là Ngã quán xét đối với không có Ngã.

Có những kiến chấp như vậy: Không có Ngã quán xét Ngã, Sắc tức là Ngã, Nhãn là những đồ vật của Ngã. Đây là Hữu thân kiến, do kiến Khổ mà đoạn.

Không có Ngã quán xét Ngã, đó là có ngoại đạo hiện thấy mặt đất-núi non ở thế gian trải qua thời gian dài không thay đổi, cho rằng tương ứng với lý về Ngã, liền chấp làm Ngã; Nhãn cùng với pháp này trái ngược nhau, bởi vì chỉ là những đồ vật của Ngã, cho nên lúc Nhãn nhìn thấy Sắc thì nói là không có Ngã quán xét Ngã.

Hỏi: Vì sao không nói là không có Ngã quán xét không có Ngã?

Đáp: Bởi vì tất cả các pháp thật sự là không có Ngã, nếu nói không có Ngã quán xét không có Ngã thì chính là Chánh kiến, cho nên ở đây không nói.

Hỏi: Nếu có ngoại đạo chấp Nhĩ-thanh... là Ngã chứ không phải là gì khác, cho nên lúc Nhãn nhìn thấy Sắc nói là không có Ngã quán xét không có Ngã, thì lẽ nào điều này là Chánh kiến hay sao?

Đáp: Họ chấp Nhĩ-thanh... là Ngã, tuy là ác kiến nhưng nếu nói là không có Ngã quán xét không có Ngã, thì tức là Chánh kiến, vì vậy cho nên không nói.

Trong này, các Hữu thân kiến, là hiển bày về tự tánh của nó; do kiến Khổ mà đoạn, là hiển bày về đối trị của nó, nói rộng ra như trước.

Đẳng khởi sai biệt của kiến chấp ấy, cũng như trước nên biết!

Có những kiến chấp như vậy: Đây là Ngã, là hữu tình, là mạng sống, là sinh ra, là nuôi dưỡng; Bồ-đặc-già-la, ý sinh nho đồng, tạo tác, dạy dỗ, sinh ra-cùng sinh ra, khởi lên-cùng khởi lên, nói năng, hiểu biết, cùng lãnh thọ, không phải là không hề có, không phải là không hiện có, ở khắp mọi nơi chốn tạo ra nghiệp thiện ác, ở khắp mọi nơi chốn nhận lấy quả dị thực, rời bỏ uẩn này nối tiếp uẩn kia. Đây là Biên chấp kiến, thuộc về Thường kiến, do kiến Khổ mà đoạn.

Đây là Biên chấp kiến, thuộc về Thường kiến, là hiển bày về tự tánh của nó; do kiến Khổ mà đoạn, là hiển bày về đối trị của nó, nói rộng ra như trước.

Đẳng khởi sai biệt của kiến chấp ấy, cũng như trước nên biết!

Hỏi: Phần đầu đã nói đến luận về Thường cùng với phần này đã nói, có gì sai biệt?

Đáp: Có người nói: Phần đầu là dựa vào Định, phần này là dựa vào Tâm-Tứ.

Có người nói: Phần đầu là thầy, phần sau là đệ tử.

Có người nói: Phần đầu là quĩ phạm, phần sau là cận trú.

Có người nói: Phần đầu là tôn trọng, phần sau là học theo.

Có người nói: Phần đầu là người chứng cũng là người nói, phần sau là người chứng mà không phải là người nói.

Có người nói: Phần đầu là chấp Ngã từ đời trước đến đời này luôn luôn có, phần sau là chấp Ngã từ đời này đến đời sau luôn luôn có.

Đây gọi là sự sai biệt của luận về Thường ở phần trước và phần sau.

Hỏi: Tại sao kiến lập sáu kiến chấp như vậy, là vì tự tánh hay là vì sở y-sở duyên? Giả sử như vậy thì có gì sai? Nếu vì tự tánh thì chỉ cần có hai, đó là Hữu thân kiến và biên chấp kiến. Nếu vì sở y-sở duyên thì phải có mười tám, đó là dựa vào Nhân-sắc có ba, cho đến dựa vào Ý-pháp cũng có ba; hoặc là thành ra ba mươi sáu, đó là dựa vào Nhân-sắc có sáu, cho đến dựa vào Ý-pháp cũng có sáu?

Đáp: Trong này bởi vì sở y-sở duyên cho nên kiến lập sáu loại.

Hỏi: Lẽ nào không phải đã nói là thành ra mười tám loại, hoặc là ba mươi sáu loại hay sao? Đáp: Không phải như vậy. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì trong này dựa vào hành tướng sai biệt của chủ động hiểu biết-thụ động hiểu biết, căn-nghĩa của căn, có cảnh giới-không có cảnh giới mà kiến lập. Nếu dựa vào sát-na nối tiếp nhau sai biệt thì có vô lượng, nay chỉ nói tóm lược bấy nhiêu mà thôi.

Có những kiến chấp như vậy: Thọ nhận năm dục vi diệu gọi là đạt được Niết-bàn bậc nhất trong pháp hiện tại. Đây là chọn lấy pháp thấp kém làm hơn hẳn, thuộc về Kiến thủ, do kiến Khổ mà đoạn.

Có những kiến chấp như vậy: Lìa pháp ham muốn xấu ác bất thiện, có Tâm-có Tứ, Ly sinh hỷ lạc, tiến vào Tĩnh lự thứ nhất an trú đầy đủ, gọi là đạt được Niết-bàn bậc nhất trong pháp hiện tại. Tâm-Tứ vắng lặng, bên trong đều thanh tịnh, tâm luôn luôn hướng về tánh, không có Tâm-không có Tứ, Định sinh hỷ lạc, tiến vào Tĩnh lự thứ hai an trú đầy đủ, gọi là đạt được Niết-bàn bậc nhất trong pháp hiện tại. Ly hỷ trú Xả, Chánh niệm-Chánh tri, thân cảm thọ niềm vui, ngôn thuyết bậc Thánh có thể buông xả, Cụ niệm lạc trú, tiến vào Tĩnh lự thứ ba an trú đầy đủ, gọi là đạt được Niết-bàn bậc nhất trong pháp hiện tại. Đoạn vui-đoạn khổ, vui-buồn trước kia không còn, không khổ-không vui, Xả niệm thanh tịnh, tiến vào Tĩnh lự thứ tư an trú đầy đủ, gọi là đạt được Niết-bàn bậc nhất trong pháp hiện tại. Đây là chọn lấy pháp thấp kém làm hơn hẳn, thuộc về Kiến thủ, do kiến Khổ mà đoạn.

Thọ nhận năm dục vi diệu, đó là người và trời cõi Dục.

Có người nói: Chỉ riêng trời cõi Dục, bởi vì năm dục ở đó thù thắng vi diệu vô cùng.

Niết-bàn trong pháp hiện tại, đó là đối với thân hiện tại mà đạt được Niết-bàn.

Hỏi: Điều này vì sao trở thành Kiến thủ?

Đáp: Năm dục vi diệu là pháp thô lậu thấp kém, có vết bản-có xấu xa-có chất độc-có hỗn loạn, vì họ chấp là giống như niềm vui của các pháp xuất ly, hoặc là niềm vui của Niết-bàn, cho nên trở thành Kiến



thủ.

Hỏi: Tiến vào bốn Tĩnh lự an trú đầy đủ là công đức thù thắng, vì sao chọn lấy làm Niết-bàn trong pháp hiện tại cũng gọi là Kiến thủ?

Đáp: Tĩnh lự thế tục là pháp thô lậu thấp kém, có vết bản-có xấu xa-có chất độc-có hỗn loạn, vì họ chấp là giống như niềm vui lìa bỏ vết bản-xấu xa, hoặc là niềm vui của Niết-bàn, cho nên trở thành Kiến thủ.

Hỏi: Cũng có ngoại đạo chấp Định Vô sắc làm Niết-bàn, tại sao trong này không nói?

Đáp: Bởi vì các ngoại đạo ấy phần nhiều chấp Tĩnh lự làm Niết-bàn, phần ít chấp Vô sắc; trong này dựa vào phần nhiều mà nói, vì vậy không có lỗi.

Lại nữa, họ chấp Vô sắc làm Niết-bàn cứu cánh, trong này nói đến Niết-bàn trong pháp hiện tại, cho nên không nói đến điều ấy.

Lại nữa, bởi vì bốn Tĩnh lự Căn bản là do Đạo của niềm vui thâm nhiếp, cho nên các ngoại đạo chấp làm Niết-bàn trong pháp hiện tại; bốn Vô sắc là do Đạo của nỗi khổ thâm nhiếp, cho nên họ không chấp làm Niết-bàn trong pháp hiện tại.

Lại nữa, bởi vì Định Vô sắc vi tế, cho nên các ngoại đạo không hiểu rõ ràng đối với Định ấy, cho rằng là đoạn diệt, sinh lòng vô cùng sợ hãi, vì vậy không nói đến; là Niết-bàn trong pháp hiện tại, vì thế cho nên không nói đến Vô sắc.

Đây là chọn lấy pháp thấp kém làm hơn hẳn, thuộc về Kiến thủ, là hiển bày về tự tánh của nó; do kiến Khổ mà đoạn, là hiển bày về đối trị của nó, nói rộng ra như trước.

Đẳng khởi của kiến chấp ấy như thế nào? Đó là có ngoại đạo nghe nói Niết-bàn là niềm vui vi diệu thù thắng, liền cho rằng nếu đạt được niềm vui của năm địa thuộc cõi Dục-cõi Sắc, thì gọi là đã đạt được Niết-bàn trong pháp hiện tại, cho nên khởi lên kiến chấp này.

Có người nói: Ngoại đạo đạt được Định thế tục, nhìn thấy các loài hữu tình trong năm địa thọ nhận những điều vui sướng, liền nói là đạt được Niết-bàn trong pháp hiện tại, cho nên khởi lên kiến chấp này.

Có người nói: Ngoại đạo do gần gũi bạn ác, cho nên khởi lên kiến chấp này.

Hỏi: Vì sao Kiến thủ này lại do kiến Khổ mà đoạn?

Đáp: Bởi vì kiến chấp này dựa vào Ngã kiến mà chuyển, cho nên chấp có Thể của Ngã thọ nhận niềm vui Niết-bàn.

Lại nữa, bởi vì kiến chấp này chuyển ở nơi quả, cho nên chấp quả



hữu lậu làm Niết-bàn.

Lại nữa, bởi vì kiến chấp này mê lầm về Khổ đế, cho nên lấy pháp khổ làm vui.

Có chín loại Mạn, cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn phân biệt nghĩa lý trong kinh. Nghĩa là trong kinh nói đến chín loại Mạn mà không phân biệt rộng ra, nay muốn phân biệt cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Trong phẩm luận về Kiến này chỉ cần phân biệt về các Kiến, vì sao lại phân biệt về các loại Mạn?

Đáp: Trước đây đã nói trong mỗi một uẩn nói đến tất cả các pháp, vì thế cho nên trong mỗi một phẩm cũng nói đến nhiều pháp mà không có gì sai lầm.

Tôn giả Thế Hữu nói rằng: “Trong phẩm này chủ yếu phân biệt về các ác kiến, cũng phân biệt về pháp tựa như ác kiến, trong các phiên nào không có pháp nào tựa như ác kiến bằng các Mạn, cho nên ở trong phẩm này cũng phân biệt về Mạn.”

Đại đức nói rằng: “Bởi vì các loại Mạn dựa vào Hữu thân kiến, là do Hữu thân kiến nuôi lớn, mà hiện rõ ở trước mắt sau Hữu thân kiến, đã thấy Đế thì không khởi lên nữa, vì vậy trong phẩm này chủ yếu phân biệt về Kiến, cũng phân biệt về Mạn.”

Tôn giả Giác Thiên nói rằng: “Các loại Kiến-Mạn đều khiến cho hữu tình khó tiến vào Phật pháp, vì vậy đều nói đến, nghĩa là các hữu tình nếu không có ác kiến và các loại Mạn, thì có thể quy y Chánh pháp của Như Lai, tu tập Phạm hạnh, thoát khỏi nỗi khổ sinh tử, đạt được niềm vui Niết-bàn; bởi vì có Kiến-Mạn cho nên sẽ không quy y Chánh pháp của Như Lai, mất đi lợi ích thù thắng.”

Tôn giả Diệu Âm nói rằng: “Các loại ác kiến và Mạn đều ngăn cản hữu tình thân cận bậc Thiện sĩ, lắng nghe Chánh pháp, tác ý như lý, pháp tùy theo pháp thực hành, sai lầm rất nặng nề, vì vậy nói đến cả hai loại.”

Mình hơn người, đó là đối với người bằng mình cho là mình hơn, là dựa vào Kiến mà khởi lên Quá mạn; là dựa vào Hữu thân kiến mà khởi lên Quá mạn, cho nên đối với người bằng mình cho là mình hơn người, là thuộc về Quá mạn.

Mình bằng người, đó là đối với người bằng mình cho là mình bằng người, là dựa vào Kiến mà khởi lên Mạn; là dựa vào Hữu thân kiến mà khởi lên Mạn, cho nên đối với người bằng mình cho là người bằng mình

mà cao ngạo, là thuộc về Mạn.

Mình thua người, đó là đối với người hơn mình cho là mình thua người, là dựa vào Kiến mà khởi lên Ty mạn; là dựa vào Hữu thân kiến mà khởi lên Ty mạn, cho nên đối với người hơn mình nhiều cho là mình thua ít, là thuộc về Ty mạn.

Có người hơn mình, đó là nói có người hơn mình, tức thì đối với người hơn mình nói là người thua mình, còn lại nói như trước.

Có người bằng mình, đó là nói có người bằng mình, tức thì đối với người bằng mình nói là người bằng mình, còn lại nói như trước.

Có người thua mình, đó là nói có người thua mình, tức thì đối với người bằng mình nói là mình hơn người, còn lại nói như trước.

Không có người hơn mình, đó là nói không có người hơn mình, tức thì đối với người bằng mình nói là người bằng mình, còn lại nói như trước.

Không có người bằng mình, đó là nói không có người bằng mình, tức thì đối với người bằng mình nói là mình hơn người, còn lại nói như trước.

Không có người thua mình, đó là nói không có người thua mình, tức thì đối với người hơn mình nói là người thua mình, còn lại nói như trước.

Chín loại Mạn này tức là thuộc về ba loại Mạn trong bảy loại Mạn, đó gọi là Mạn-Quá mạn-Ty mạn. Dựa vào bản luận này mà giải thích như vậy. Dựa vào luận Phẩm Loại Túc thì trong loại Mạn là mình hơn người thâm nhiếp ba loại Mạn, nếu đối với thua mình mà nói là mình hơn thì chính là Mạn, nếu đối với bằng mình mà nói là mình hơn thì chính là Quá mạn, nếu đối với hơn mình mà nói là mình hơn thì chính là Mạn-Quá mạn. Tám loại Mạn còn lại, như lý cần phải nói.

Chín loại Mạn này đều bao gồm do Kiến-Tu mà đoạn, nhưng trong này không nói đến, có người nói: Bởi vì là luận phụ thuộc. Có người nói: Bởi vì loại ấy không phải là tương tự với Kiến.

Có những kiến chấp như vậy: Gió không thổi, sông không chảy, lửa không cháy, sữa không đông, thai không mang, mặt trời-mặt trăng không mọc không lặn, tự tánh tạp nhiễm-thanh tịnh an trú không tăng-không giảm. Đây là Biên chấp kiến, thuộc về Thường kiến, do kiến Khổ mà đoạn.

Đây là Biên chấp kiến, thuộc về Thường kiến, là hiển bày về tự tánh của nó; do kiến Khổ mà đoạn, là hiển bày về đối trị của nó, nói rộng ra như trước.

Đẳng khởi của kiến chấp ấy như thế nào? Tôn giả Thế Hữu nói rằng: “Có các ngoại đạo bởi vì suy xét không đúng đắn, chấp là có Ngã thật sự, thường tồn tại vi tế khắp tất cả mọi nơi, ẩn kín sâu xa ở trong các pháp, lúc tác động thấy gió thổi-sông chảy...thì nói là do Ngã tạo ra, chứ không phải là gió-sông... có thể như vậy; như thấy cây lay động thì biết là do gió tạo ra, lúc thân thể cử động thì biết là do con người tạo ra.”

Đại đức nói rằng: “Có các ngoại đạo bởi vì sự suy xét tà vạy, chấp là có Ngã thật sự, thường tồn tại vi tế, có tác dụng thù thắng, làm chuyển biến các pháp, lúc thấy gió thổi-sông chảy..., nói là Ngã khiến cho các pháp hiện bày tướng trạng như vậy; như cây... lay động thấy bóng cũng lay động, lúc hóa chủ nói năng thì hóa thân cũng nói năng.”

Có người nói: Ngoại đạo đạt được Định thế tục, thấy các hữu tình lưu chuyển khắp các nẻo nối tiếp nhau không gián đoạn, thấy gió-sông... tùy theo nơi chốn-tùy theo thời gian có và không có chẳng hề nhất định, liền nói là có Ngã thường tồn tại vi tế, có tác dụng thù thắng, khiến cho các loại gió-sông... chuyển biến, hoặc là có-hoặc là không có.

Có người nói: Ngoại đạo gần gũi bạn ác, thuận theo bạn ác dạy bảo, cho nên phát khởi kiến chấp như vậy.

Chúng sinh chấp do Ngã làm ra..., cho đến nói rộng ra.

Trong này, giải thích tóm lược về nghĩa của bài tụng chỉ trích ác kiến trong các kinh đã nói.

Chấp Ngã có năng lực làm ra..., đó là chấp trong thân bên trong có nghĩa thù thắng của Ngã chủ động làm ra, chủ động sinh ra, chủ động hóa ra các vật.

Chấp người khác có thể làm ra..., đó là chấp trong thân bên ngoài có nghĩa thù thắng của Ngã chủ động làm ra, chủ động sinh ra, chủ động hóa ra các vật.

Chủ động làm ra, là làm ra pháp luôn luôn có bên trong; chủ động sinh ra, là sinh ra pháp luôn luôn có bên ngoài; chủ động hóa ra, là hóa làm trong-ngoài, không phải là pháp luôn luôn có.

Lại nữa, chủ động làm ra, là làm ra các pháp của thân mình; chủ động sinh ra, là sinh ra các pháp của thân khác; chủ động hóa ra, là hóa làm các pháp thuộc về loài phi tình.

Tất cả, đó là mỗi một chứ không phải là tất cả, là hiển bày về các ngoại đạo chấp riêng biệt từng loại một chứ không phải là tất cả.

Giống như mũi tên, đó là bởi vì ác kiến có thể làm cho bị tổn thương, là hiển bày về hành tướng của ác kiến này mạnh mẽ sắc bén,

từ xa có thể làm cho tổn thương, giống như mũi tên độc; các ngoại đạo ấy do Vô minh làm cho đui mù, không có thể quán xét nhận biết lỗi lầm tai họa đúng như thật.

Nên quán xét đây là mũi tên..., cho đến nói rộng ra.

Trong này, khuyên nhủ họ nên quán xét ác kiến là mũi tên độc thật sự, bởi vì làm kẻ đi trước dẫn đường cho già-bệnh-chết, như mũi tên độc của thế gian làm cho chúng sinh đau khổ. Như vậy, ác kiến dẫn đến các loại khổ đau phiền muộn như già-bệnh...

Chúng sinh có đủ các loại Mạn..., cho đến nói rộng ra.

Trong này, hiển bày rõ ràng có đủ bảy loại Mạn, là do Mạn mà ràng buộc-vướng mắc, chống đối trái ngược lẫn nhau đối với Đoạn kiến-Thường kiến, không có thể vượt qua biển rộng sinh tử vô bờ bến. Bảy loại Mạn nói như trên.

Vướng mắc là vướng mắc phần ít; nhiều vướng mắc là vướng mắc phần nhiều; vướng mắc khắp nơi là vướng mắc tất cả mọi nơi. Ràng buộc..., cũng như vậy.

Hỏi: Vướng mắc và ràng buộc sai biệt thế nào?

Đáp: Tên gọi tức là sai biệt.

Lại nữa, nghĩa cũng có sai biệt, vướng mắc đó là dính chặt, là nghĩa về khó trừ sạch; ràng buộc đó là quán chặt, là nghĩa về khó cởi bỏ.

Lại nữa, vướng mắc là ràng buộc về tương ứng, ràng buộc là ràng buộc về sở duyên, đó là bởi vì bảy loại Mạn có đủ hai loại ràng buộc, cho nên luôn luôn vướng mắc-luôn luôn ràng buộc đối với chúng sinh ấy.

Lại nữa, vướng mắc đó là vướng mắc về tâm ấy, ràng buộc đó là ràng buộc về thân ấy. Đó gọi là sự sai biệt giữa hai nghĩa của ràng buộc và vướng mắc.

Chống đối trái ngược lẫn nhau đối với Đoạn kiến-Thường kiến, như người tại gia do tham ràng buộc-vướng mắc, cho nên chống đối trái ngược lẫn nhau đối với sự thâm nhiếp tiếp nhận; những người xuất gia do Mạn ràng buộc, cho nên chống đối trái ngược lẫn nhau đối với Đoạn kiến-Thường kiến.

Biển rộng sinh tử vô bờ bến, không ngừng lưu chuyển trong các nẻo-các sinh loại là nghĩa của sinh tử. Như vậy, sinh tử không có đời trước, bởi vì không có thể biết được. Có nhân trước mà có đời sau, bởi vì nhập Niết-bàn là giới hạn cuối cùng.

Lại nữa, số lượng của sinh tử lâu xa, không biết đến lúc nào được

giải thoát, cho nên gọi là vô bờ bến.

Được-sẽ được đều là bụi bấn..., cho đến nói rộng ra.

Đây là hiển bày về các ngoại đạo ở trong Uẩn-Giới-Xứ đã được-sẽ được, bởi vì bụi bấn của tham-sân-si làm cho vấy bấn, cho nên không thấy đúng như thật đối với sai lầm thuộc giới hạn của hai hành khổ-vui, bởi vì không thấy cho nên chìm đắm đến cùng-chạy theo đến cùng. Chìm đắm, đó là quá chậm chạp không có thể tiến lên hưởng về; chạy theo, đó là quá vội vàng không có thể thông suốt đến nơi. Nghĩa còn lại trong tụng, như luận giải thích đầy đủ.

Như trong kinh nói: “Có những hàng Sa-môn và Bà-la-môn, đều dựa vào thắng giải khởi lên những sự tranh luận, tất cả đều đối với năm chướng mà chuyển. Những gì là năm? Đó là:

1. Chấp là Ngã sau khi chết có Tưởng, chỉ điều này là chân lý thật sự, còn lại đều ngu dốt hư vọng.
2. Chấp là Ngã sau khi chết không có Tưởng.
3. Chấp là Ngã sau khi chết không phải là có Tưởng-không phải là không có Tưởng.
4. Chấp là Ngã sau khi chết đoạn diệt.
5. Nói là có Niết-bàn trong pháp hiện tại.”

Năm loại ở kinh ấy tức là ba loại ở đây, ba loại ở đây tức là năm loại ở kinh ấy. Năm loại ở kinh ấy tức là ba loại ở đây, nghĩa là luận về có Tưởng, luận về không có Tưởng, luận về không phải là có Tưởng-không phải là không có Tưởng ở kinh ấy, tức là Thường kiến ở đây; luận về đoạn diệt ở kinh ấy, tức là Đoạn kiến ở đây; luận về Niết-bàn trong pháp hiện tại ở kinh ấy, tức là Kiến thủ ở đây. Ba loại ở đây tức là năm loại ở kinh ấy, nghĩa là Thường kiến ở đây tức là luận về có Tưởng, luận về không có Tưởng, luận về không phải là có Tưởng-không phải là không có Tưởng ở kinh ấy; Đoạn kiến ở đây tức là luận về đoạn diệt ở kinh ấy; Kiến thủ ở đây tức là luận về Niết-bàn trong pháp hiện tại ở kinh ấy.

Lại trong kinh Phạm Võng nói: “Sáu mươi hai loại ác kiến, đều lấy Hữu thân kiến làm gốc. Sáu mươi hai kiến chấp, đó là kiến chấp phân biệt về đời trước có mười tám loại, kiến chấp phân biệt về đời sau có bốn mươi bốn loại. Kiến chấp phân biệt về đời trước có mười tám loại, đó là bốn luận về Biến Thường, bốn luận về Nhất Phần Thường, hai luận về Vô Nhân Sinh, bốn luận về Hữu Biên Đẳng, bốn luận về Bất Tử Kiểu Loạn. Kiến chấp phân biệt về đời sau có bốn mươi bốn loại, đó là mười sáu luận về Hữu Tưởng, tám luận về Vô Tưởng, tám

luận về Phi Hữu Tướng-Phi Vô Tướng, bảy luận về Đoạn Diệt, năm luận về Hiện Pháp Niết-Bàn.

Trong này, dựa vào quá khứ khởi lên kiến chấp phân biệt thì gọi là kiến chấp phân biệt về đời trước, dựa vào vị lai khởi lên kiến chấp phân biệt thì gọi là kiến chấp phân biệt về đời sau. Nếu dựa vào hiện tại khởi lên kiến chấp phân biệt thì loại này không nhất định, hoặc gọi là kiến chấp phân biệt về đời trước, hoặc gọi là kiến chấp phân biệt về đời sau, bởi vì đời hiện tại là trước vị lai-sau quá khứ, hoặc là nhân của vị lai-quả của quá khứ.

Trong kiến chấp phân biệt về đời trước, bốn luận về Biến Thường:

1. Do có thể nhớ lại một kiếp Hoại-Thành, hoặc là hai-hoặc là ba cho đến tám mươi, họ liền chấp là Ngã và thế gian, cả hai đều thường còn.

Hỏi: Vì sao họ dấy lên kiến chấp này?

Đáp: Bởi vì họ cho rằng chuyển biến hoặc là ẩn hiện.

Người luận về chuyển biến, dấy lên kiến chấp như vậy: Sửa biến đổi thành sửa đặc, hạt giống thay đổi thành mầm non, củi khô thay đổi thành tro tàn. Những loại như vậy, nếu nối tiếp pháp ấy mà có thì đều là do pháp ấy mà chuyển biến, không phải là pháp ấy diệt đi có pháp này sinh ra, cho nên tự tánh của tất cả các pháp là thường tồn tại.

Người luận về ẩn hiện, dấy lên kiến chấp như vậy: Tự tánh của các pháp hoặc là ẩn-hoặc là hiện. Họ thấy nơi này trước đây có hình dáng hiển bày, phạm vi số lượng, mặt đất-châu bãi, núi chúa Diệu Cao, núi non-biển rộng-cây cối...như vậy đều hủy hoại; về sau ở nơi này lại có hình dáng hiển bày, phạm vi số lượng, mặt đất-châu bãi...như vậy đều thành lập, liền dấy lên nghĩ rằng: Pháp ấy ở khoảng giữa không có thể nhìn thấy, không phải là tánh hoại diệt, như vậy lúc kiếp hủy hoại thì tánh ấy ẩn kín, đến lúc kiếp thành lập thì tánh ấy lại hiện ra. Vả lại, thân bảy sĩ thường còn, không có chuyển động, không xúc chạm lẫn nhau, mạng không có thể làm hại, cho nên dấy lên nghĩ rằng: Ngã và sự nhớ lại, cả hai đều là thường còn. Vì vậy vẫn thấy Ngã và thế gian đều là thường tồn tại.

2. Do có thể nhớ lại sự việc một đời, hoặc là hai-hoặc là ba cho đến trăm ngàn đời, họ liền chấp là Ngã và thế gian, cả hai đều thường còn.

Bởi vì cho rằng chuyển biến hoặc là ẩn hiện. Nếu họ có thể nhớ lại sự Hoại-Thành của thế giới bên ngoài, do thấy nơi này trước đây có

hình dáng hiển bày, phạm vi số lượng, mặt đất-châu bãi...như vậy, như trước cho đến mạng không có thể làm hại; nếu không có thể nhớ lại sự Hoại-Thành của thế giới bên ngoài, chấp thế gian thường còn thì lý không cần phải nói, cho nên dấy lên nghĩ rằng: Ngã và sự nhớ lại, cả hai đều là thường còn. Vì vậy vẫn thấy Ngã và thế gian đều là thường tồn tại.

Hỏi: Nghĩa này và nghĩa thứ nhất có gì khác nhau?

Đáp: Trước tuy nhớ nhiều mà đối với năng lực nhớ lại các đời không gián đoạn chưa đạt được tự tại, nay tuy nhớ ít mà đối với năng lực nhớ lại các đời không gián đoạn đã đạt được tự tại.

3. Do Thiên nhãn nhìn thấy các uẩn của các hữu tình nối tiếp nhau lúc chết-lúc sinh, đó là thấy các uẩn Tử hữu không gián đoạn-Trung hữu hiện rõ trước mắt, lại thấy các uẩn Trung hữu không gián đoạn-Sinh hữu hiện rõ trước mắt, lại thấy các uẩn Sinh hữu không gián đoạn-Bổn hữu hiện rõ trước mắt, các uẩn ở phần vị Bổn hữu nối tiếp nhau cho đến Tử hữu, ví như nước chảy-đèn cháy nối tiếp nhau. Bởi vì không hiểu biết về sự sinh diệt vi tế, ở trong các uẩn liền khởi lên tưởng là thường còn, cho nên đã chấp là Ngã và thế gian đều là thường còn.

Bởi vì cho rằng chuyển biến hoặc là ẩn hiện, như dao ở trong vỏ, như rắn ở trong hang, như người ở trong nhà tối tăm, vào ra ẩn hiện không nhất định, cho nên dấy lên nghĩ rằng: Ngã và sự nhìn thấy, cả hai đều là thường còn. Vì vậy vẫn thấy Ngã và thế gian đều là thường tồn tại.

4. Do suy xét tìm tòi không nhận biết đúng như thật, đó là Ngã và thế gian đều là thường tồn tại, họ dấy lên nghĩ rằng: Có pháp thường xuyên có, không có pháp luôn luôn không có, không có pháp nào không có thể sinh ra, có pháp không có thể diệt đi. Bởi vì họ chấp là tánh của nhân quả từ vô thủy đến nay chỉ là một, không có diệt đi-không có khởi lên, cho nên đều thuộc kiến chấp phân biệt về đời trước. Nếu họ chấp Sắc dùng làm Ngã, thì bởi vì thấy hình dáng hiển bày luôn luôn tương tự, cho nên liền chấp là thường còn. Nếu chấp tâm... dùng làm Ngã, thì bởi vì pháp của tâm... không ngừng sinh khởi, tương tự sinh khởi, luôn luôn sinh khởi, không có thể nhận biết rõ ràng về sự sinh diệt vi tế, có thể nhớ lại sự việc đã trải qua xưa kia, việc làm trước sau tương tự lẫn nhau, pháp khác không ngăn ngại, cho nên liền chấp là thường còn. Bởi vì họ suy xét tìm tòi hư vọng như vậy, cho nên chấp Ngã và thế gian đều là thường tồn tại.

Như vậy, bốn loại luận về Biến Thường là kiến chấp phân biệt



thuộc đời trước, dựa vào bốn sự việc là Kiếp và Sinh-Tử sinh-suy xét tìm tòi mà khởi lên.

Bốn luận về Nhất Phần Thường:

1. Từ cõi Phạm Thế chết đi-sinh đến nơi này, do đạt được Túc trú tùy niệm thông, cho nên dấy lên kiến chấp như vậy: Chúng ta đều là do Đại Phạm Thiên Vương mà hóa ra, Phạm Vương chủ động biến hóa thường tồn tại ở cõi ấy, chúng ta thụ động biến hóa cho nên là không thường còn.

2. Nghe Phạm Vương có cách nhìn như vậy, lập ra luận thuyết như vậy: Đại chủng là không thường còn, tâm là thường tồn tại. Hoặc nói đảo lại điều này: Tâm là không thường còn, đại chủng là thường tồn tại. Người cùng tiếp nhận điều ấy, hoặc là ở cõi Phạm Thế, hoặc là sinh đến nơi này, hoặc là lần lượt chuyển tiếp nghe đến đạo lý như vậy, liền dấy lên kiến chấp như vậy: Ngã dùng Đại Phạm Thiên Vương làm hạn lượng, vì vậy cho nên thế gian một phần là thường tồn tại, một phần là không thường còn.

3. Có người trước kia từ cõi trời Hý Vong chết đi-sinh đến nơi này, do đạt được Túc trú tùy niệm thông, cho nên liền dấy lên kiến chấp như vậy: Cõi trời ấy có những người không mãi vui đùa dạo chơi quên mất ý niệm, thì thường tồn tại ở cõi ấy; chúng ta trước kia bởi vì mãi vui đùa dạo chơi quên mất ý niệm, từ cõi ấy chết đi cho nên là không thường còn.

4. Có người trước kia từ cõi trời Ý Phần chết đi-sinh đến nơi này, do đạt được Túc trú tùy niệm thông, cho nên liền dấy lên kiến chấp như vậy: Cõi trời ấy có những người ý không quá giận dữ, liếc mắt nhìn nhau, thì thường tồn tại ở cõi ấy; chúng ta trước kia bởi vì ý rất giận nhau, liếc mắt nhìn nhau, từ cõi ấy chết đi cho nên là không thường còn.

Hỏi: Chư Thiên như vậy trú ở nơi nào?

Đáp: Có người nói: Họ trú từng bậc ở núi Diệu Cao.

Có người nói: Đó là cõi trời Tam Thập Tam.

Như vậy, bốn loại luận về Nhất Phần Thường là kiến chấp phân biệt thuộc đời trước, do chấp bốn sự việc là Đại Phạm-Đại chủng hoặc là Tâm-vui đùa quên mất và giận dữ mà khởi lên.

Hai luận về Vô Nhân Sinh:

1. Từ hữu tình cõi trời Vô Tướng chết đi-sinh đến nơi này, do đạt được Túc trú tùy niệm thông, cho nên tuy có thể nhớ lại tâm Vô tướng rời khỏi cõi ấy và các phần vị sau, mà không có thể nhớ lại các phần vị

vốn có trước khi rời khỏi tâm, liền dấy lên nghĩ rằng: Ngã ở lúc ấy vốn không có mà khởi lên, các pháp như Ngã cũng thuận theo tất cả vốn không có mà sinh ra. Vì vậy liền chấp là Ngã và thế gian đều không có nhân mà tự nhiên sinh khởi.

2. Do suy xét tìm tòi hư vọng, suy xét tìm tòi những gì thân này đã trải qua đều có thể nhớ lại, thân trước nếu có sự việc đã trải qua lúc ấy, thì nay trong thân này cũng sẽ có thể nhớ lại, đã không có thể nhớ lại cho nên biết thân ấy không có.

Lại dấy lên nghĩ rằng: Nếu dựa vào pháp ấy sinh ra thì các loại hữu tình nhất định vẫn tựa như pháp ấy, như sâu bọ trong sữa đặc vẫn tựa như sữa đặc, sâu bọ trong phân trâu vẫn tựa như phân trâu, sâu bọ trong lá xanh vẫn tựa như lá xanh, cha mẹ sinh con vẫn tựa như cha mẹ, không phải là ngay nơi sữa đặc... là nhân của sâu bọ... Vì vậy biết tất cả các thân và các pháp như Căn-Giác-Tuệ... đều không có nhân mà khởi lên.

Lại dấy lên nghĩ rằng: Hiện thấy các loài Khổng tước-Loan-Phượng..., các loại núi đá-cỏ cây-hoa trái-gai góc..., màu sắc-hình dáng sai biệt đều không nhờ vào nhân mà tự nhiên có. Họ đưa ra cách nói này: Ai mài nhọn gai góc, ai vẽ ra chim thú, ai chất thành núi cao, ai khoét ra hang hốc, ai lại dệt thành cỏ cây hoa trái? Như vậy tất cả đều không nhờ vào nhân, tạo ra thế gian là từ không có mà tự nhiên có. Vì vậy liền chấp là Ngã và thế gian đều không có nhân sinh khởi mà tự nhiên có.

Như vậy, hai loại luận về Vô Nhân Sinh là kiến chấp phân biệt thuộc đời trước, do hai sự việc là cõi trời Vô Tướng và suy xét tìm tòi hư vọng mà khởi lên.

Bốn luận về Hữu Biên Đẳng:

1. Do Thiên nhân nhìn thấy phía dưới chỉ đến địa ngục vô gián, nhìn thấy phía trên chỉ đến cõi trời Tịnh lự thứ nhất, chấp là Ngã ở trong đó thấy đều đầy khắp. Họ dấy lên nghĩ rằng: Vượt quá nơi này nếu có Ngã và thế gian thì mình cũng phải nhìn thấy, đã không còn thấy nữa cho nên biết không phải là có. Vì vậy liền chấp là Ngã và thế gian, cả hai đều có giới hạn. Tức là hai loại này có nghĩa về phạm vi hạn định.

2. Do dựa vào Tịnh lự thuộc phần thù thắng, phát khởi Thiên nhân thanh tịnh, nhìn thấy theo chiều ngang không có giới hạn, cho nên chấp là Ngã ở trong đó thấy đều đầy khắp. Vì vậy liền chấp là Ngã và thế gian, cả hai đều không có giới hạn. Tức là hai loại này không có nghĩa về phạm vi hạn định.

3. Do Thiên nhân và Thần cảnh thông. Do Thiên nhân thông nhìn

thấy phía dưới chỉ đến địa ngục vô gián, nhìn thấy phía trên chỉ đến cõi trời Tịnh lự thứ nhất; do Thần cảnh thông chuyển thân đi theo chiều ngang không đạt được giới hạn, liền đối với phía trên-phía dưới khởi lên tưởng là có giới hạn, đối với thế giới theo chiều ngang khởi lên tưởng là không có giới hạn, cho nên chấp là Ngã ở trong đó thấy đều đầy khắp. Vì vậy liền chấp là Ngã và thế gian, cũng có giới hạn-cũng không có giới hạn. Tức là hai loại này cùng có nghĩa về có phạm vi hạn định-không có phạm vi hạn định.

4. Không phải là có giới hạn-không phải là không có giới hạn, tức là ngăn chặn loại thứ ba mà làm thành loại thứ tư này. Họ dấy lên nghĩ rằng: Ngã và thế gian đều không có thể nói nhất định là có giới hạn-nhất định là không có giới hạn, nhưng đều là có thật.

Hoặc có người nói: Bởi vì họ thấy thế gian theo chiều ngang không có giới hạn, cho nên chấp Ngã và thế gian, cả hai đều không phải là có giới hạn; bởi vì họ thấy thế gian theo chiều dọc có giới hạn, cho nên chấp Ngã và thế gian, cả hai đều không phải là không có giới hạn, tuy không có quyết định mà thật sự có Ngã.

Lại có người nói: Họ chấp là Thể của Ngã hoặc tản ra-hoặc tụ vào không có thể nói nhất định, tản ra thì không có giới hạn cho nên nói không phải là có giới hạn, tụ vào thì có giới hạn cho nên nói không phải là không có giới hạn.

Hỏi: Như vậy bốn loại đã duyên với hiện tại, vì sao nói là phân biệt về đời trước?

Đáp: Đó là chờ đến vị lai cũng gọi là đời trước.

Lại có người nói: Bốn loại này bởi vì nhớ lại kiếp Thành-kiếp Hoại mà kiến lập, cho nên đều có thể nói là phân biệt về đời trước, nghĩa là luận thứ nhất do nhớ lại lúc kiếp Thành ở quá khứ, Ngã và thế gian theo chiều dọc thì có phạm vi hạn định, cho nên liền khởi lên tưởng là có giới hạn; nếu luận thứ hai do nhớ lại lúc kiếp Thành ở quá khứ, Ngã và thế gian theo chiều ngang thì không có phạm vi hạn định, cho nên liền khởi lên tưởng là không có giới hạn; nếu luận thứ ba do nhớ lại lúc kiếp Thành ở quá khứ, Ngã và thế gian theo chiều dọc thì có phạm vi hạn định, theo chiều ngang thì không có phạm vi hạn định, cho nên khởi lên tưởng là cũng có giới hạn-cũng không có giới hạn; nếu luận thứ tư do nhớ lại lúc kiếp Hoại ở quá khứ, Ngã và thế gian tuy không có thể đạt được phạm vi số lượng rộng hẹp, mà đều là có thật, cho nên khởi lên tưởng không phải là có giới hạn-cũng không phải là không có giới hạn.

Có người đưa ra cách nói này: Chấp có giới hạn tức là Đoạn kiến; chấp không có giới hạn tức là Thường kiến; chấp cũng có giới hạn-cũng không có giới hạn, tức là một phần Đoạn kiến-một phần Thường kiến; chấp không phải là có giới hạn-không phải là không có giới hạn, tức là chỉ khởi lên Tát-ca-da kiến.

Như vậy, bốn loại luận về Hữu Biên Đẳng là kiến chấp phân biệt thuộc đời trước, phần nhiều dựa vào bốn sự việc đã nói ở trước mà khởi lên.

Bốn luận về Bất Tử Kiểu Loạn, bất tử gọi là trời, bởi vì ngoại đạo chấp rằng cõi trời Trường Thọ là thường tồn tại không chết. Có các ngoại đạo cầu sinh đến cõi trời ấy, nghe ngoại đạo luận bàn đưa ra cách nói như vậy: “Nếu có ai có thể trả lời về cõi trời bất tử ấy, người hỏi không có gì lẫn lộn thì được sinh đến cõi trời ấy; nếu không có thể trả lời về cõi trời bất tử ấy, người hỏi không có gì lẫn lộn thì không có nghĩa được sinh đến.” Nhưng không có gì lẫn lộn có hai loại:

1. Có tướng có phân biệt.
2. Không có tướng không có phân biệt.

Có sự nhìn nhận chân thật thì không có tướng không có phân biệt, bởi vì không có sở y; không có sự nhìn nhận chân thật thì có tướng có phân biệt, bởi vì có sở y. Các hạng ngoại đạo kia ở trong các câu hỏi về bất tử không có gì lẫn lộn, dùng lời nói làm cho lẫn lộn.

1. Dấy lên nghĩ rằng: Mình không biết như thật, hoặc là thiện-hoặc là bất thiện và bốn Thánh đế, có những Sa-môn và Bà-la-môn khác cầu mong biết như thật đối với nghĩa như vậy, nếu họ hỏi mình về nghĩa như vậy, nếu mình trả lời quyết định về câu hỏi của họ, thì trở thành nói dối, bởi vì nói dối cho nên mình sẽ không được sinh đến cõi trời ấy. Bởi vì họ sợ nói dối, cho nên ở trong câu hỏi về bất tử không có gì lẫn lộn, dùng lời nói làm cho lẫn lộn, nghĩa là đưa ra cách nói này: Tôi ở trong nghĩa bí mật của chư Thiên không nên nói ra tất cả, hoặc là sự chứng đạt của mình, hoặc là đạo thanh tịnh.

2. Dấy lên nghĩ rằng: Mình không biết như thật, hoặc là thiện-hoặc là bất thiện và bốn Thánh đế, có những Sa-môn và Bà-la-môn khác cầu mong biết như thật đối với nghĩa như vậy, nếu họ hỏi mình về nghĩa như vậy, nếu mình gạt bỏ không có nghĩa về câu hỏi của họ, thì trở thành tà kiến, bởi vì tà kiến cho nên mình sẽ không được sinh đến cõi trời ấy. Bởi vì họ sợ tà kiến, cho nên ở trong câu hỏi về bất tử không có gì lẫn lộn, dùng lời nói làm cho lẫn lộn; còn lại nói như trước.

3. Dấy lên nghĩ rằng: Mình không biết như thật, hoặc là thiện-

---

hoặc là bất thiện và bốn Thánh đế, có những Sa-môn và Bà-la-môn khác cầu mong biết như thật đối với nghĩa như vậy, nếu họ hỏi mình về nghĩa như vậy, nếu mình không thật sự phù hợp với câu hỏi của họ, thì chắc là họ sẽ vặn hỏi, mình sẽ không biết, bởi vì không biết cho nên mình sẽ không được sinh đến cõi trời ấy. Bởi vì họ sợ không biết, cho nên ở trong câu hỏi về bất tử không có gì lẫn lộn, dùng lời nói làm cho lẫn lộn; còn lại nói như trước.

4. Dấy lên nghĩ rằng: Tánh mình mù mờ kém cỏi, không có thể tập hợp ngôn từ làm cho lẫn lộn. Lại dấy lên nghĩ rằng: Nếu luôn luôn chấp sai trái làm tốt lành tuyệt vời, bởi vì luôn luôn chấp sai trái thì đều phù hợp với tâm của các hữu tình. Nếu có điều gì trái ngược đối với tâm người khác, thì mình sẽ không được sinh đến cõi trời ấy, cho nên mình phải dựa vào lý không trái ngược nhau. Nếu có người hỏi mình là có đời sau hay không, thì cần phải hỏi vặn lại rằng ông muốn thế nào? Nếu nói là muốn có đời sau, thì nên nói hợp với họ rằng: Tôi đối với đời sau cũng chấp nhận là có. Như vậy, hỏi về không có, cũng có-cũng không có, không phải là có-không phải là không có; hoặc là hỏi như vậy, hoặc là không như vậy, hoặc là khác, hoặc là không khác, đều cần phải hỏi vặn lại, tùy theo ý muốn của họ thì mình sẽ hợp với họ. Lại dấy lên nghĩ rằng: Tánh mình ngu si, nếu chống đối người khác thì họ sẽ rời xa mình. Bởi vì họ sợ ngu si, cho nên ở trong các câu hỏi về bất tử không có gì lẫn lộn, dùng lời nói làm cho lẫn lộn.

Hỏi: Bốn loại như vậy thì thuộc về kiến nào?

Đáp: Bốn loại ấy đối với cõi trời khởi lên tưởng là bất tử, đều thuộc về Thường kiến; cho rằng trả lời câu hỏi của người khác làm nhân sinh đến cõi trời, là thuộc về Giới cấm thủ.

Hỏi: Bốn loại này lẽ nào là phân biệt về đời trước?

Đáp: Bởi vì bốn loại này đều đối với sự việc hiện tại mà chuyển, chờ đến vị lai cho nên lập thành tên gọi là đời trước.

Hoặc có người nói: Bốn loại này đều duyên với sự chỉ dạy đã nghe trước đây, nghĩa là ngoại đạo ấy trước đây nghe sự chỉ dạy cao nhất mà thấy mình đã nói, cần phải dựa vào như vậy để trả lời câu hỏi của người khác về việc sinh đến cõi trời bất tử, cõi trời bất tử ấy cần phải dựa vào như vậy để trả lời câu hỏi mà đạt được. Vì vậy bốn loại này đều là thuộc về kiến chấp phân biệt đời trước.

Như vậy, bốn loại luận về Bất Tử Kiểu Loạn là kiến chấp phân biệt thuộc đời trước, dựa vào sự sợ hãi nói đối-tà kiến-không hiểubiết- ngu độn mà khởi lên.